TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2022/DS-PT
Ngày: 07/12/2022.
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Trung.

Ông Hồ Văn Phụng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLPT–DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 220/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp ..., xã BT, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T (tên gọi khác: Tiến), sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp ..., xã BT, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Luật sư Trần Lệ Quyên – Văn phòng Luật sư Thanh Quyên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà Lê Thị Đ làm đầu thảo hụi, Bà Trần Thị T là hụi viên và có tham gia 05 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa 1.000.000đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 25/11/2012 âm lịch (AL), mãn ngày 25/01/2018 AL, có 19 phần, Bà T tham gia 02 phần (để tên thiếm Út). Dây hụi này, Bà T còn nợ bà số tiền 6.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Phần 1: Bà T đóng hụi sống được 04 lần, đến lần khui thứ 05 (vụ tháng 3/2014) thì Bà T hốt, Bà Đ không nhớ ra lời bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền. Sau khi hốt hụi Bà T có đóng hụi chết được 11 lần (từ vụ tháng 7/2014 đến vụ tháng 11/2017), từ lần khui thứ 17, 18, 19 (từ vụ tháng 3/2018 đến vụ tháng 11/2018 - mãn hụi) thì Bà T không đóng hụi chết cho Bà Đ là 03 lần x 1.000.000đồng = 3.000.000đồng.

Phần 2: Bà T đóng hụi sống được 06 lần, đến lần khui thứ 07 (vụ tháng 11/2014) thì Bà T hốt, Bà Đ không nhớ ra lời bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền. Sau khi hốt hụi Bà T có đóng hụi chết được 09 lần (từ vụ tháng 3/2015 đến vụ tháng 11/2017), từ lần khui thứ 17, 18, 19 (từ vụ tháng 3/2018 đến vụ tháng 11/2018 - mãn hụi) thì Bà T không đóng hụi chết cho Bà Đ là 03 lần x 1.000.000đồng = 3.000.000đồng.

Dây 2: Hụi mùa 2.000.000đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 25/11/2015 AL, mãn ngày 25/7/2021 AL, có 18 phần, Bà T tham gia 01 phần (để tên thiếm Út), Bà T đóng hụi sống được 02 lần, đến lần khui thứ 03 (vụ tháng 7/2016) thì Bà T hốt, Bà Đ không nhớ ra lời bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền. Sau khi hốt hụi Bà T có đóng hụi chết được 04 lần (từ vụ tháng 11/2016 đến vụ tháng 11/2017), từ lần khui thứ 08 đến 18 (từ vụ tháng 3/2018 đến vụ tháng 7/2021 - mãn hụi) thì Bà T không đóng hụi chết cho Bà Đ là 11 lần x 2.000.000đồng = 22.000.000đồng.

Dây 3: Hụi tháng 500.000đồng, mở ngày 15/3/2016 AL, mãn ngày 15/01/2018 AL, có 24 phần, Bà T tham gia 01 phần (để tên thiếm Út), Bà T đóng hụi sống được 02 lần, đến lần khui thứ 03 (tháng 5/2016) thì Bà T hốt, Bà Đ không nhớ ra lời bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền. Sau khi hốt hụi Bà T có đóng hụi chết được 15 lần (từ tháng 6/2016 đến tháng 7/2017), từ lần khui tháng 8/2017 đến tháng 01/2018 - mãn hụi thì Bà T không đóng hụi chết cho Bà Đ là 06 lần x 500.000đồng = 3.000.000đồng.

Dây 4: Hụi tháng 1.000.000đồng, mở ngày 25/4/2016 AL, mãn ngày 25/02/2018 AL, có 24 phần, Bà T tham gia 01 phần (để tên thiếm Út), Bà T đóng hụi sống được 03 lần, đến lần khui thứ 04 (tháng 7/2016) thì Bà T hốt, Bà Đ không nhớ ra lời bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền. Sau khi hốt hụi Bà T có đóng hụi chết được 14 lần (từ tháng 8/2016 đến tháng 7/2017), từ lần khui tháng 8/2017 đến tháng 02/2018 - mãn hụi thì Bà T không đóng hụi chết cho Bà Đ là 07 lần x 1.000.000đồng = 7.000.000đồng.

Dây 5: Hụi 1.000.000đồng, 02 tháng khui 01 lần, mở ngày 10/5/2017 AL, mãn ngày 10/7/2020 AL, có 21 phần, Bà T tham gia 01 phần (để tên thiếm Út), Bà T hốt đầu (ngày 10/5/2017) Bà Đ không nhớ ra lời bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền.

Sau khi hốt hụi Bà T có đóng hụi chết được 01 lần (tháng 6 nhuần/2016), từ lần khui thứ 03 (tháng 8/2017 đến tháng 7/2020 - mãn hụi) thì Bà T không đóng hụi chết cho Bà Đ là 19 lần x 1.000.000đồng = 19.000.000đồng.

Tổng cộng 05 dây hụi này Bà T còn nợ Bà Đ là: 6.000.000đồng + 22.000.000đồng + 3.000.000đồng + 7.000.000đồng + 19.000.000đồng = 57.000.000đồng.

Việc chơi hụi thì Bà Đ làm chủ hụi có photo các danh sách hụi cho các hụi viên, ngoài ra không có làm giấy tờ gì khác, các vấn đề phát sinh trong quá trình chơi hụi thì các bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có lập giấy tờ gì.

Lý do của việc một số dây hụi theo đơn khởi kiện đã mãn từ lâu nhưng cho đến nay Bà Đ mới khởi kiện yêu cầu Bà T trả là do vào năm 2016 Bà T đi khỏi địa phương nhưng Bà T vẫn có gửi tiền về cho con dâu là bà Nguyễn Bảo Yến đóng tiền hụi chết cho Bà Đ giùm cho Bà T, đến khoảng cuối năm 2017 thì Bà T dừng hẳn việc đóng hụi cho đến khi các dây hụi mãn, nhưng do lúc này Bà T không có mặt ở địa phương nên Bà Đ chưa khởi kiện Bà T được. Sau khi Bà T đi khỏi địa phương thì thỉnh thoảng Bà T có về nhà thuộc ấp 6, xã Ba Trinh thăm gia đình một lát Bà Đ có qua tận nhà tìm thì không gặp được do Bà T cố tình trốn tránh. Sau này khi mà Bà T trở về nhà thuộc ấp 6, xã Ba Trinh ở luôn từ năm 2021 thì do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên Bà Đ cũng chưa khởi kiện Bà T được, đến nay khi dịch bệnh Covid 19 đã lắng dịu nên Bà Đ mới gửi đơn ra Tòa án để khởi kiện Bà T.

Ngoài ra, Bà T có vay của Bà Đ 55.000.000đồng, Bà T kêu con dâu là bà Yến đến nhà Bà Đ nhận tiền nhiều lần và bà Yến có làm biên nhận cho Bà Đ có ghi rõ nội dung là nhận tiền dùm cho Bà T. Lần 1, nhận 40.000.000đồng vào ngày 08/6/2017 AL (nhằm ngày 30/7/2017); lần 2, nhận 15.000.000đồng vào ngày 10/6/2017 AL (nhằm ngày 01/8/2017), từ ngày làm biên nhận cho đến nay Bà T có đóng lãi cho Bà Đ được 02 tháng, rồi ngưng luôn cho đến nay. Biên nhận số tiền 55.000.000đồng mà Bà Đ cung cấp cho Tòa án là do bà Yến trực tiếp viết và ký tên, toàn bộ số tiền này do Bà T gọi điện thoại về mượn của Bà Đ sau đó kêu bà Yến trực tiếp qua nhà Bà Đ để lấy tiền, lấy tiền 02 lần vào ngày 08/6/2017 lấy 40.000.000đồng và vào ngày 10/6/2017 lấy 15.000.000đồng, cả 02 lần Bà Đ đều yêu cầu bà Yến làm biên nhận rồi mới đồng ý đưa tiền cho bà Yến, biên nhận ở lần thứ nhất thì sau khi lập biên nhận ở lần thứ hai cộng dồn 02 khoản tiền 40.000.000đồng và 15.000.000đồng thành 55.000.000đồng thì Bà Đ đã bỏ. Sau khi bà Yến lấy tiền thì bà Yến có giao lại cho Bà T hay không thì Bà Đ không rõ, nhưng theo Bà Đ là bà Yến có giao lại tiền cho Bà T vì nếu không giao thì Bà T đã không đóng tiền lãi cho Bà Đ hàng tháng. Ngoài Biên nhận số tiền 55.000.000đồng ra thì hiện Bà Đ không còn tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh về việc vay mượn tiền.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022, Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bà T trả cho Bà Đ số tiền nợ hụi là 57.000.000đồng (không yêu cầu tính lãi); số tiền vay 55.000.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 01/01/2022 là

04 năm 03 tháng là 55.000.000đồng x 51 tháng x 20%/năm = 19.250.000đồng.

Theo đơn yêu cầu (v/v rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện) đề ngày 30/3/2022, Bà Đ rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về số tiền vay 55.000.000đồng cùng tiền lãi phát sinh, chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bà T trả cho Bà Đ số tiền hụi là 57.000.000đồng (không yêu cầu tính lãi).

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Trần Thị T trình bày:

Đối với hợp đồng vay tài sản, Bà Đ đã có đơn rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện về số tiền vay 55.000.000đồng cùng tiền lãi phát sinh, nên Bà T không có ý kiến.

Đối với hợp đồng góp hụi, Bà T xác nhận có tham gia 05 dây hụi do Bà Đ làm chủ hụi, gồm: Dây 1: Hụi mùa 1.000.000đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 25/11/2012 AL, mãn ngày 25/11/2018 AL, có 19 phần, Bà T tham gia 02 phần; Dây 2: Hụi mùa 2.000.000đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 25/11/2015 AL, mãn ngày 25/7/2021 AL, có 18 phần, Bà T tham gia 01 phần; Dây 3: Hụi tháng 500.000đồng, mở ngày 15/3/2016 AL, mãn ngày 15/01/2018 AL, có 24 phần, Bà T tham gia 01 phần; Dây 4: Hụi tháng 1.000.000đồng, mở ngày 25/4/2016 AL, mãn ngày 25/02/2018 AL, có 24 phần, Bà T tham gia 01 phần; Dây 5: Hụi 1.000.000đồng, 02 tháng khui 01 lần, mở ngày 10/5/2017 AL, mãn ngày 10/7/2020 AL, có 21 phần, Bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hụi để tên thiếm Út).

Cả 05 dây hụi trên Bà T đều đã hốt hụi hết, do đã quá lâu nên Bà T không nhớ đối với từng dây hụi Bà T hốt vào lần khui thứ mấy, khi hốt ra lời bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền, nhưng Bà T khẳng định sau khi hốt hụi xong thì Bà T đã đóng hụi chết cho Bà Đ đầy đủ cho đến khi mãn hụi.

Việc Bà T tham gia 05 dây hụi do Bà Đ làm chủ hụi thì Bà Đ chỉ giao cho các hụi viên danh sách hụi để các hụi viên tự theo dõi, còn khi đóng hụi, khui hụi, hốt hụi… thì các bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có lập giấy tờ gì. Việc Bà Đ cho rằng Bà T nợ tiền hụi Bà Đ 6.000.000đồng của dây 1 (02 phần), 22.000.000đồng của dây 2, 3.000.000đồng của dây 3, 7.000.000đồng của dây 4, 19.000.000đồng của dây 5, tổng cộng 57.000.000đồng thì Bà T không thừa nhận, vì sau khi hốt hụi xong thì Bà T đóng hụi chết cho Bà Đ đầy đủ cho đến khi mãn hụi nên hiện nay không còn nợ tiền hụi gì của Bà Đ.

Việc Bà Đ cho rằng từ năm 2016 bà bỏ đi khỏi địa phương không góp hụi là không đúng. Từ trước đến nay Bà T cư trú xuyên suốt ở ấp 6, xã Ba Trinh, không có đi đâu. Chỉ có một thời gian khoảng chừng 01 năm từ cuối năm 2016 đến cuối năm 2017 thì Bà T có sang nhà con ruột là bà Nguyễn Thị Thảo tại địa chỉ hẻm 7, đường Cao Văn Lầu, khóm 3, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu để trông coi con tiếp bà Thảo (sinh ngày 25/11/2016) những lúc con bà Thảo bị bệnh, Bà T đi khoảng 01 năm nhưng cũng đi Bạc Liêu khoảng mười bữa, nửa tháng rồi về lại ấp 6, xã Ba

Trinh chứ không có ở cố định ở nhà bà Thảo ở Bạc Liêu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

"*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 203, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, 471, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 23, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu Bà Trần Thị T (tên gọi khác: Tiến) trả số tiền hụi còn nợ.

Buộc Bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho Bà Lê Thị Đ số tiền hụi còn nợ là 57.000.000đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Bà Lê Thị Đ đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng Bà Trần Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu Bà Trần Thị T trả số tiền vay 55.000.000đồng cùng tiền lãi phát sinh. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật."

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Đến ngày 21 tháng 9 năm 2022, bị đơn Bà Trần Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không buộc bà trả cho Bà Lê Thị Đ tiền nợ hụi 57.000.000 đồng, vì bà đã góp hụi đầy đủ, nếu Bà Đ cho rằng bà còn nợ tiền hụi thì phải đưa ra giấy tờ chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Bà Lê Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Bà Trần Thị T trình bày: Bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu Bà Trần Thị T thanh toán tiền nợ của 05 dây hụi do bà làm chủ, nhưng trong quá trình góp hụi Bà Đ không lập sổ hụi mà chỉ photo danh sách những người chơi hụi giao cho hụi viên, việc góp hụi các bên cũng không có lập giấy tờ gì. Vì vậy, việc Bà Đ cho rằng Bà T còn nợ tiền hụi 57.000.000 đồng nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Bà Trần Thị T sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Thị T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét đơn kháng cáo của Bà Trần Thị T:

[1]. Bà Lê Thị Đ và Trần Thị Tuyết thống nhất xác nhận: Bà Lê Thị Đ làm đầu thảo hụi, Bà Trần Thị T là hụi viên và có tham gia 05 dây hụi, cụ thể: Dây hụi mùa 1.000.000đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 25/11/2012 AL, mãn ngày 25/11/2018 AL, có 19 phần, Bà T tham gia 02 phần (gọi tắt là dây hụi 1); Dây hụi mùa 2.000.000đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 25/11/2015 AL, mãn ngày 25/7/2021 AL, có 18 phần, Bà T tham gia 01 phần (gọi tắt là dây hụi 2); Dây hụi tháng 500.000đồng, mở ngày 15/3/2016 AL, mãn ngày 15/01/2018 AL, có 24 phần, Bà T tham gia 01 phần (gọi tắt là dây hụi 3); Dây hụi tháng 1.000.000đồng, mở ngày 25/4/2016 AL, mãn ngày 25/02/2018 AL, có 24 phần, Bà T tham gia 01 phần (gọi tắt là dây hụi 4); Dây hụi tháng 1.000.000đồng, 02 tháng khui 01 lần, mở ngày 10/5/2017 AL, mãn ngày 10/7/2020 AL, có 21 phần, Bà T tham gia 01 phần (gọi tắt là dây hụi 5); trong các danh sách hụi để tên Bà T là "*Thiếm Út*". Quá trình chơi hụi, Bà Đ làm chủ hụi có photo các danh sách hụi cho các hụi viên trong đó có Bà T giữ, ngoài ra các bên không có làm giấy tờ gì khác, các vấn đề phát sinh trong quá trình chơi hụi như đóng hụi, khui hụi, hốt hụi… chỉ thỏa thuận miệng chứ không có lập giấy tờ gì. Hiện nay tất cả 05 dây hụi đều đã mãn hết và Bà T đều đã hốt hụi hết.

[2]. Bà Đ trình bày sau khi Bà T hốt hụi cho đến khi mãn hụi thì Bà T chưa đóng đầy đủ tiền hụi chết cho Bà Đ, cụ thể: Dây hụi 1 nợ 6.000.000đồng; dây hụi 2 nợ 22.000.000đồng; dây hụi 3 nợ 3.000.000đồng; dây hụi 4 nợ 7.000.000đồng; dây hụi 5 nợ 19.000.000đồng; tổng cộng nợ là 57.000.000đồng. Phía Bà T trình bày: Sau khi hốt hụi xong thì Bà T đóng hụi chết cho Bà Đ đầy đủ cho đến khi mãn hụi đến nay không còn nợ tiền hụi gì của Bà Đ. Sự thừa nhận của Bà Đ và Bà T về việc các bên có giao

dịch góp hụi và Bà T đã hốt hụi xong tất cả 05 dây hụi nêu trên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Theo quy định của pháp luật sau khi đã hốt hụi tại mỗi lần (kỳ) khui hụi thì hụi viên phải có nghĩa vụ đóng tiền hụi chết cho chủ hụi cho đến khi mãn hụi để chủ hụi giao tiền hụi chết này cho các hụi viên được hốt tại lần (kỳ) khui hụi đó. Khi góp hụi thì hụi viên có quyền yêu cầu chủ hụi phải lập giấy biên nhận đã góp hụi theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ "*Về hụi, họ, biêu, phường*", đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hụi viên đã thực hiện nghĩa vụ góp hụi. Bà T thừa nhận đã hốt hụi xong 05 dây hụi do Bà Đ làm chủ nhưng bà phản đối là đã góp hụi đầy đủ cho Bà Đ cho đến khi hụi mãn vì vậy Bà T phải có nghĩa vụ chứng minh cho lời phản đối của mình là có căn cứ theo quy định khoản 2 tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên Bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho việc này. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 buộc Bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hụi 57.000.000 đồng cho Bà Đ là có căn cứ.

[4]. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Trần Thị T, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu Bà Trần Thị T (tên gọi khác: Tiến) trả số tiền hụi còn nợ.

Buộc Bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho Bà Lê Thị Đ số tiền hụi còn nợ là 57.000.000đồng (năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Bà Lê Thị Đ đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng Bà Trần Thị T còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu Bà Trần Thị T trả số tiền vay 55.000.000đồng cùng tiền lãi phát sinh. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Bà Lê Thị Đ đã nộp là 3.280.000đồng (ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001603, ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 2.850.000đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004695, ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận